

để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho ý kiến chỉ đạo, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009 thành công tốt đẹp./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 01/2004/QĐ-TTg ngày 05/01/2004 về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Tòa án nhân dân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP

ngày 25 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Tòa án nhân dân gồm có:

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xét xử các vụ án về các tội phạm an ninh quốc gia. Các báo cáo, thống kê án tử hình, các vụ án được xét xử kín theo quy định của pháp luật chưa công bố.

2. Nội dung chỉ đạo, kế hoạch xét xử các vụ án quan trọng, các vụ án điển hình, các vụ án phức tạp theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 208/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân

www.ThuVienPhapLuat.com
0963337
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft *

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -
TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên tịch số 08/2003/
TTLT-BKH-BTC ngày 29/12/2003**
về việc hướng dẫn thực hiện
một số quy định tại Nghị định
số 38/2003/NĐ-CP ngày 15/4/2003
của Chính phủ về việc chuyển
đổi một số doanh nghiệp có vốn
đầu tư nước ngoài sang hoạt
động theo hình thức công ty
cổ phần.

*Căn cứ Nghị định số 38/2003/NĐ-CP
ngày 15 tháng 4 năm 2003 của Chính
phủ về việc chuyển đổi một số doanh
nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang
hoạt động theo hình thức công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP
ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài
chính;*

*Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính
hướng dẫn một số quy định tại Nghị
định số 38/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng
4 năm 2003 của Chính phủ về việc
chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn
đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo
hình thức công ty cổ phần như sau:*

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2003/NĐ-CP) được xem xét để chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần; riêng các doanh nghiệp sau chưa được xem xét chuyển đổi:

a) Doanh nghiệp trong đó Bên nước ngoài hoặc các Bên tham gia liên doanh (đối với doanh nghiệp liên doanh) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài) có cam kết